* Agular là 1 framework dùng để buil single page đều có index.html.
* File main.ts là file chạy đầu tiên khi chạy dự án angular.
* AppModule bản thân là 1 TypeScript module là 1 file riêng lẻ có thể import những thứ bên ngoài vào để sử dụng và cũng có thể export những thứ của nó ra bên ngoài sử dụng
* @NgModule (TypeScipt Decorator) là cú pháp liên quan đến type script. Angular sử dụng TypeScipt Decorator để cung cấp Metadata
* Component là 1 thành phần của web. 1 web bao gồm nhiều component. Các component có thể tái sử dụng.
* AppComponent là component root là component đầu tiên được render
* Khi tạo 1 component cần phải khai báo nó trong file app.module.ts. 1 component chỉ được khai báo cho 1 cái module nhất định
* String Interpolation: {{expression}}
* Data Binding:

+ property binding: [property] = “tên biến”: hiển thị dữ liệu từ trong app.component.ts ra template

* Event Binding: Nhận sự kiện từ template và xử lí ở trong app.component.ts
* To way data binding:

<input type = “text” [(ngModel)]=”name” />

Tương đương với:

<input type = “text” [(ngModel)]=”name” (ngModelChange)=”name = $event” />

* Class binding:

+ [class.ten-class]=”Biến true hoặc false”

+ [class] = “array tên class”

+ [class] = “object” {[ten-clas: string]: boolean}

+[class] = “variable”

* Input binding: khi ta tạo ra 1 component ta chỉ thao tác với nó qua template của nó, bây giờ ta muốn tương tác với nó thông qua thằng cha ta sẽ thêm @input() vào trước thuộc tính. Và trong template của thằng cha sử dụng component này, ta sẽ truyền các thuộc tính này vào. @input báo rằng thuộc tính này sẽ truyền vào từ component cha (thằng con lấy từ thằng cha)
* Ouput Binding: từ thằng con bắn event ra cho thằng cha xử lí. Trong thằng con sẽ khai báo @Output() select = new EventEmitter<Author>(). Khi nào muốn bắn sự kiện ra cho thằng cha thì ta gọi hàm emit(): this.select.emit(this.author). Thằng cha hứng và gọi hàm xử lí event nhận được (select)="onSelect($event)
* Two way data binding: giúp 2 component có thể tương tác với nhau, thằng cha truyền vào cho thằng con, thằng con thay đổi thằng cha cũng thay đổi và ngược lại
* **Vòng đời của 1 component**
* Khi khởi tạo component, constructor sẽ được gọi lúc này html css đã được load đã có trên view ở thời điểm đó Angular chưa có bind input những thuộc tính @input chưa nhận được giá trị từ bên ngoài truyền vào (ngày 7)
* Trong trường hợp có input data thì ngOnchanges chạy tiếp theo để bind giá trị vào input. Nếu như không có input truyền vào ngOnchanges không chạy. ngOnchanges sẽ được chạy mỗi khi có thay đổi input truyền vào.
* ngOnInit được gọi sau khi input được binding. ngOnInit chỉ chạy 1 lần duy nhất
* Tại sao khi có Contructor rồi vẫn phải có onInit để làm gì ? Vì Contructor được gọi đầu tiên, lúc Angular chưa có binding input. Còn onInit được gọi 1 lần duy nhất sau khi angular binding input -> giả sử muốn lưu 1 giá trị trước lúc nó được binding data ta sẽ xử lí trong hàm onInit(), muốn lưu giá trị sau khi binding Input lần đầu tiên ta sẽ lưu trong hàm onInit().
* Structural Directive là 1 đoạn Directive có thể thay đổi cấu trúc của dom
* ? là trước khi get nó sẽ kiểm tra nếu khác rỗng thì nó get, bằng rỗng thì nó ko get
* Mỗi khi giá trị biến trong file component.ts thay đổi Angular tự động thay đổi hiển thị trên trang html (không phải load lại cả trang web)
* **@ViewChild():** ta muốn tham chiếu đến 1 thằng con trên cái view của component. Ta truyền vào string là cái biến (template variable) trong view hoặc tên của component. Sau khi view được khởi tạo xong thì ta sẽ tham chiếu đến được @ViewChild() ở trong hàm ngAfterViewInit() {}. Ở thời điểm onInit Angular chưa tham chiếu đến được @ViewChild() -> trong trường hợp chúng ta muốn tham chiếu được trong onInit() thì @ViewChild() cung cấp cho ta 1 cái option có 1 property là static ta truyền vào true @ViewChild(ToggleComponent, {static: true}) mặc định là false và mình chỉ có thể sử dụng static là true khi mà cái mà ta tham chiếu không nằm trong Structural Directive nào, có 1 property nữa là {read: ElementRef} mặc định là ElementRef, Angular sẽ cố gắng lấy về cho ta 1 elementRef ta có thể truyền vào các option khác ViewContainerRef
* **ViewChildren**: dùng để tham chiếu tới nhiều children trên view
* job?: string gọi là Optional property, job là 1 property không bắt buộc, nghĩa là khi tạo đối tượng ta có thể có thể thêm thuộc tính này, có thể bỏ qua cũng ko bị lỗi
* **<ng-content></ng-content>** : trong quá trình phát triển ứng dụng angular chúng ta sẽ gặp các một số dạng component giống nhau về phần layout, điểm khác biệt chỉ là 1 số lable, content trong đó. Lúc này rất dễ để các bạn có thể tạo 1 component có nhận vào các input và render dựa vào các input đó. Có 1 cách khác nữa là dùng ng-content. Chúng ta có thể đặt ng-content vào bất kì đâu trong template của component và ta sẽ truyền 1 thẻ html, 1 component vào trong cặp thẻ của component ở nơi sử dụng nó. Trong cặp thẻ ng-content có 1 thuộc tính là select giống như CSS selector truyền vào tag-selector, CSS Class selector, attribute selector dùng để xác định thẻ nào sẽ được truyền vào vào ng-content
* **ngProjectAs** dùng để đặt tên cho thẻ hoặc component truyền vào ng-content. Giúp ng-content có thể select được
* **ng-template**: là 1 cái thẻ trên html. Khi code html phần code được bao quanh bởi ng-template sẽ không đươc render. Thường được sử dụng với \*ngIf và trường hợp khi 1 số UI element trong 1 component bị lặp lại trong chính component đó nhưng phần code đó quá nhỏ để tách ra làm 1 component riêng. Ta sử dụng ng-template để khi có sửa đổi ta chỉ cần sửa đổi 1 chỗ duy nhất
* Dependency Injection trong Angular: trường hợp thường dùng là khi ta inject các service vào trong component. Trường hợp tiếp theo là khi ta muốn inject thằng cha vào trong thằng con để khi ta gọi hàm gì ở trong thằng con mình sẽ trực tiếp dùng thằng cha để quản lí những thằng con (bình thường muốn làm như thế ta phải tạo 1 @Output để emit cho thằng cha để nó xử lí)